

Số: 40 /2019/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021 và Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung một số nội dung tại Điều 1, Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 2645/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND, ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021, được bổ sung tại Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung Điều 1 Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND, ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 531/BC-HĐND ngày 05/12/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021 và Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung một số nội dung tại Điều 1, Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 và Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

“1. Mục tiêu

Thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp, khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế về đất đai, để đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, tạo sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực. Phấn đấu đến năm 2021 có: Trên 29.000 ha lúa gieo cấy; trên 8.000 ha cây chè; trên 7.000 ha cây quế; trên 2.000 ha cây sơn tra; trên 6.300 ha cây ăn quả; 4.000 ha cây mắc ca”

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 5, Điều 1 Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

(1) Sửa đổi điểm a như sau:

“a) Giống lúa thuần (*tiêu chuẩn xác nhận*)

- Các xã biên giới, các xã đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ 70% giá giống đối với 100% diện tích gieo trồng theo đăng ký.

- Các xã, phường, thị trấn còn lại: Hỗ trợ 50% giá giống đối với 100% diện tích gieo trồng theo đăng ký.”

(2) Sửa đổi điểm b như sau:

“b) Giống ngô lai

- Các xã biên giới, các xã đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ 70% giá giống đối với 100% diện tích gieo trồng theo đăng ký.

- Các xã, phường, thị trấn còn lại: Hỗ trợ 50% giá giống đối với 100% diện tích gieo trồng theo đăng ký.”

(3) Bổ sung vào nội dung điểm c như sau:

“Hỗ trợ phát triển và bảo tồn cây chè cổ thụ

- Hỗ trợ 01 lần 100% giá giống trồng mới và cây trồng dặm, cây giống từ 03 năm tuổi trở lên, mật độ quy đổi 2.000 cây/ha.

- Hỗ trợ 01 lần 100% phân bón lót theo quy trình.

- Hỗ trợ công làm đất, xử lý thực bì, trồng năm thứ nhất: 08 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ công trồng dặm, chăm sóc, bảo vệ năm thứ 2, 3: 3,5 triệu đồng/ha/năm.”

(4) Sửa đổi điểm e như sau:

“e) Hỗ trợ phát triển cây ăn quả tập trung và cải tạo vườn tạp

- Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới: Hỗ trợ 01 lần 100% giá giống trồng mới và 100% phân bón lót (*phân vô cơ hoặc phân vi sinh tổng hợp*) theo quy trình”.

- Các xã, phường, thị trấn còn lại: Hỗ trợ 01 lần 70% giá giống trồng mới; 100% phân bón lót (*phân vô cơ hoặc phân vi sinh tổng hợp*) theo quy trình”

(5) Sửa đổi điểm g như sau:

“g) Hỗ trợ chuyển đổi phương thức chăn nuôi (*trâu, bò, ngựa*) và cải tạo đàn gia súc

* Hỗ trợ chuyển đổi phương thức chăn nuôi đàn gia súc

- Hỗ trợ hộ gia đình làm chuồng: 2 triệu đồng/hộ.

- Hỗ trợ chi phí xây dựng chuồng trại chăn nuôi tập trung (*định mức 4-6 m²/con*).

+ Quy mô 5-10 con/chuồng: Mức hỗ trợ 2 triệu đồng/con.

+ Quy mô từ 11-20 con/chuồng: Mức hỗ trợ 3 triệu đồng/con.

+ Quy mô từ 21 - 30 con/chuồng: Mức hỗ trợ 3,5 triệu đồng/con.

+ Quy mô từ 31 con trở lên/chuồng: Mức hỗ trợ 4 triệu đồng/con.

Mức hỗ trợ tối đa 500 triệu/đối tượng hỗ trợ.

- Hỗ trợ 01 lần kinh phí mua giống cỏ: 3.000 đồng/m²; tối đa 500m²/hộ”

* Hỗ trợ cải tạo đàn gia súc

- Hỗ trợ bò đực giống và trâu đực giống:

+ Đối tượng: Hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất kinh doanh giống gia súc và chăn nuôi gia súc.

+ Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 40 con đực giống (*trâu, bò*). Hỗ trợ một lần giá trị con giống: Mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/con đối với bò đực giống từ 18 tháng tuổi trở; tối đa 50 triệu đồng/con đối với trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên.

- Hỗ trợ chi phí thụ tinh nhân tạo: Hỗ trợ 100% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo (*trinh đông lạnh và Nitơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản, công*) cho các hộ chăn nuôi để phối giống cho trâu, bò. Mức hỗ trợ không quá 2 liều tinh/năm.

(6) Sửa đổi điểm i như sau:

“i) Hỗ trợ vôi cải tạo đất ruộng:

Hỗ trợ 70% giá vôi theo chu kỳ 03 năm/lần/điện tích canh tác.”

(7) Bổ sung điểm l như sau:

“l) Hỗ trợ nuôi tôm, cá lồng

Hỗ trợ 01 lần 50% kinh phí/m³ lồng, tối đa 300 triệu đồng/đối tượng hỗ trợ”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 6, Điều 1 Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

(1) Sửa đổi điểm b như sau:

“b) Đối với các nội dung hỗ trợ phát triển cây chè, quế, sơn tra và cây ăn quả: Đối tượng được hỗ trợ có diện tích đất trồng, đăng ký và cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp huyện; đảm bảo thực hiện quy trình kỹ thuật theo đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Riêng đối với nội dung hỗ trợ cây ăn quả chỉ hỗ trợ các loại cây ăn quả được xác định là sản phẩm chủ lực của huyện, tỉnh: Đối với diện tích hỗ trợ tập trung có quy mô từ 50 ha trở lên Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đối với diện tích có quy mô dưới 50 ha và cải tạo vườn tạp giao Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và phê duyệt.”

(2) Sửa đổi điểm c như sau:

“c) Đối với nội dung hỗ trợ chuyển đổi phương thức chăn nuôi và cải tạo đàn gia súc:

- Đối tượng được hỗ trợ, đăng ký và cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, lập phương án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và phê duyệt; đảm bảo thực hiện tiêu chuẩn kỹ thuật theo dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Sử dụng loại tinh theo yêu cầu của địa phương, có nhãn mác rõ ràng và tiêu chuẩn chất lượng phù hợp hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Mua loại giống phù hợp yêu cầu của địa phương; có nguồn gốc từ các cơ sở sản xuất giống vật nuôi, có lý lịch rõ ràng đối với trâu và bò; có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

(3) Bổ sung điểm g như sau:

“g) Đối với hỗ trợ nuôi tôm, cá lồng: Đối tượng được hỗ trợ đăng ký và cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nuôi các loài cá đặc sản, cá có hiệu quả kinh tế cao như: cá Chiên, cá Lăng, cá Bống, cá Nheo, tôm...; Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, lập dự án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và phê duyệt; đảm bảo thực hiện quy trình theo dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.”

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; quy định, hướng dẫn cơ chế quản lý tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp đảm bảo sự chủ động của cấp huyện và hiệu quả bền vững của chính sách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XIV, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn